

KHUYẾN
PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

SỐ 1862
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1862

KHUYẾN PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM

Biên soạn: Sa-Môn dịch kinh là Tuệ Chiếu

QUYỂN THƯỢNG

- 1- Nói về môn chủng tánh tướng của Bồ-tát.
- 2- Nói về môn nhân duyên phát tâm.
- 3- Hiển bày môn biện luận hơn, thua.
- 4- Môn thí dụ, khen ngợi.
- 5- Môn khuyến phát rộng về hơn, kém.
- 6- Môn lập thế, phát nguyện.
- 7- Môn lại nói về phát tâm và thương xót.
- 8- Môn tám tạp nhập, nói về tu hành và thối, bất thối.
- 9- Môn y cứ kinh Phổ Hiền Bồ-tát mà quán sát hối, thọ giới.

- Thứ nhất: Nói về môn chủng tánh tướng của Bồ-tát.

Bồ-tát có sáu chủng tánh tướng Ba-la-mật-đa. Vì tướng này, nên khiến cho người khác biết rõ là Bồ-tát chân thật. Lại, tướng chủng tánh của người thí, nghĩa là bản tánh của các Bồ-tát là ưa bố thí. Đối với hiện tại đang có thể thí cho một cách bình đẳng không có xen hở, vui mừng thí cho không hối tiếc. Dù ít nhưng có thể quân bình rộng lớn, chẳng phải nhỏ. Nếu không có vật để thí cho, thì cảm thấy hổ thẹn một cách sâu sắc. Đối với người khác, thường xuyên ưa khen ngợi, khuyến khích bố thí, thấy người hay yêu thích, vui vẻ, đối với họ, nên cúng dường, cung kính, bố thí. Đời này đời khác, không có tội, có sự lợi ích, hoặc thính, không thính, như lý mà nói. Hoặc có người sợ phép vua, giặc,

nước, lửa, Bồ-tát sẽ thí cho vô úy, đối với kẻ rất sợ hãi, thì tùy khả năng cứu giúp; nhận lấy vật người khác gửi, không hề sai trái. Nếu vay nợ người thì không bao giờ giựt nợ. Đối với của cải chung, không có tâm gian dối. Được của báu lớn, không còn tham chấp mắc, hưởng chi lợi ích nhỏ nhen.

Những hành vi như thế, v.v... gọi là tướng chủng tánh thí.

Tướng chủng tánh giới: Nghĩa là bốn tánh các Bồ-tát là thành tựu, nhu nhuyễn, thân, ngữ, ý nghiệp bất thiện, không tạo ác đối với các hữu tình, không gây nhiều tổn não. Dù gây nghiệp ác, nhưng có thể ăn năn một cách nhanh chóng, thường cảm thấy hổ thẹn, không tỏ vẻ, vui mừng, không dùng dao, v.v... não hại hữu tình, tánh không từ ái. Đối với đối tượng đang kính, hiện tiền lễ bái, tu nghiệp hòa kính. Đối với người căn cơ lạnh lợi không ngu ngơ, khéo thuận theo tâm người khác, thường trước mỉm cười, với dáng vẻ thư thái, nhìn thẳng, xa lìa buồn bã, trước nói lời hỏi han, biết ơn, trả ơn, đến cầu chơn chất ngay thẳng, không dùng cử chỉ nịnh bợ để đáp tạ. Đúng như pháp cầu tài của, không dùng phi pháp, không tỏ vẻ hung bạo, ưa thích tu phước, còn khuyến khích người khác tu phước, hưởng chi không tự làm, nghe nói người khác bị các nỗi khổ ép ngặt, vượt quá thân mình, ít tội, sợ sâu, hưởng chi là nhiều tội? Tất cả như pháp, đều đồng với sự, phi pháp không theo. Tâm ác không nối tiếp, tùy thuận sinh, tùy thuận xả. Đối với bậc Hiền thiện thường tôn trọng thật ngữ, không lừa dối. Đối với kẻ tội lỗi sai khiến còn không dùng lời nói khó nghe, hưởng chi đối với người khác.

Những loại như thế v.v... gọi là Tướng nhẫn.

Tướng tinh tấn v.v... Nghĩa là tánh các Bồ-tát tự siêng năng vượt hơn, dậy sớm, ngủ trễ, không ưa ngủ nghỉ. Làm việc mạnh mẽ, quyết định, ưa làm không quên, sự việc đã vững chắc cuối cùng, sau cùng không bỏ dỡ, nghĩa lớn không khiếp sợ, không tự khinh thường, có khả năng chứng sự nghiệp khó hành, không sợ, không riêng, có khả năng dẫn phát nghĩa lợi, trong việc lớn, còn không cảm thấy mỗi mệt, hưởng chi việc nhỏ nhen ít ỏi.

Các loại như thế, v.v... gọi là tướng tinh tấn.

Về tướng tĩnh lự v.v... Nghĩa là tánh của Bồ-tát đối với nghĩa pháp có khả năng xem xét, suy nghĩ, không có nhiều tán loạn, thấy nghe như trên đỉnh núi cao, ven rừng, đủ người không quen gần, lìa chúng sinh ác, thuận theo vắng lặng, ấy là sinh ái, lạc, tánh phiền não mỏng, đến chỗ xa lìa, tư lương nghĩa mình, tâm không tích cực, vì bị các tâm, tư ác ràng buộc khuấy rối. Đối với kẻ thù oán, còn yêu thương, hưởng chi là trong

thân thích. Thấy khổ sinh xót thương, tùy khả năng cứu giúp, tánh thông minh, lanh lợi. Đối với pháp, có thể thọ lãnh hay gìn giữ, nghĩ nhớ, sự lâu đã ghi nhớ, cũng khiến nhớ nghĩ đến người.

Các loại như thế, v.v... gọi là tướng tính lự.

Về tướng của chủng tánh tuệ v.v... Nghĩa là các Bồ-tát thành tựu đều có sinh tuệ, có khả năng nhập vào tất cả cảnh giới của xứ minh. Tánh không chậm lụt, mờ tối. Đối với chỗ buông lung có năng lực tư duy, lựa chọn.

Các loại như thế, v.v... gọi là chủng tánh tuệ.

Do chủng tánh mà các Bồ-tát đã có, tương ứng với công đức như thế, v.v... thành tựu các bạch pháp thanh tịnh của bậc Hiền thiện. Cho nên, đối với việc được quả vị Như Lai Vô thượng, vì chứng được nhân, cho đến vì bốn tướng tùy phiền não trái với bạch pháp; bị nhiễm ô hoặc đủ, không đủ, tương ứng với bạch pháp, hoặc bị nhiễm ô.

Bạch pháp như thế đều không hiển hiện rõ, làm cho bạch pháp trái với bốn hoặc, nghĩa là buông lung: Vì các phiền não, tập quán trước kia nên tánh thành phiền não mạnh mẽ, nhạy bén trong thời gian dài, đó gọi là thứ nhất. Lại, kẻ ngu si, kẻ không tốt, không khéo léo, nương tựa theo bạn ác, đó gọi là thứ hai. Lại, vì Tôn trưởng, phu chủ, vua giặc, oán thù bắt giam giữ không tự tại. Tâm mê loạn, đó gọi là thứ ba. Lại, giúp đỡ sự sinh có đủ nghèo, thiếu, luyến tiếc thân mạng, đó gọi là tánh tùy phiền não thứ tư, dù có chủng tánh, do bốn nhân duyên, không thể mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Bốn nhân là gì? Nghĩa là các Bồ-tát khi chưa gặp chư Phật, Bồ-tát, chân thiện tri thức, là nói đạo không có điên đảo Bồ-đề, đây là nhân thứ nhất. Lại, các Bồ-tát dù gặp bạn lành, nói cho nghe chánh đạo mà chấp điên đảo, tu tập điên đảo ở trong chánh học, gọi là nhân thứ hai. Lại, các Bồ-tát dù gặp bạn lành, nói cho nghe chánh đạo, có thể chánh tu học, mà đối với phương tiện gia hạnh trễ nãi, chậm chạp, không thể mạnh mẽ hăng hái, tinh tấn, gọi là nhân thứ ba.

Thứ hai, Nói về môn nhân duyên phát tâm:

Phát tâm Bồ-đề: Phẩm Du-già Phát Tâm chép: “Lược có năm thứ”:

- 1- Tự tánh
- 2- Hành tướng
- 3- Sở duyên
- 4- Công đức

5- Tối thắng.

Bồ-tát phát tâm đầu tiên, đối với các Bồ-tát sở hữu chánh nguyện, là chánh nguyện đầu tiên, khắp có thể nhiếp thọ chánh nguyện khác kia. Cho nên, phát tâm dùng chánh nguyện đầu tiên làm tự tánh kia. Lại, các Bồ-tát lúc khởi chánh nguyện, tâm cầu Bồ-đề, phát tâm như thế, nói như vậy: “Ta nguyện quyết định sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề, sẽ thực hành tất cả nghĩa lợi cho hữu tình, chỗ yên ổn cuối cùng là Niết-bàn rốt ráo, kể cả trong trí rộng lớn của Như Lai”.

Phát tâm như thế, nhất định tự mong cầu Vô thượng Bồ-đề và mong cầu sẽ làm các việc nghĩa lợi cho các hữu tình. Cho nên phát tâm do quyết định mong cầu là hành tướng kia, do đại Bồ-tát và tất cả nghĩa lợi của các hữu tình làm cảnh sở duyên.

Phát tâm đầu tiên có thể gồm thâu tất cả pháp phần Bồ-đề, vì gốc lành cao siêu là thượng thủ, cho nên là thiện cực thiện, là diệu cực diệu có thể cùng tận tương ứng với công đức của ba nghiệp, của tất cả hữu tình. Lại, các Bồ-tát phát tâm đầu tiên, đã khởi chánh nguyện, đối với tất cả mong cầu khác, chánh nguyện khéo léo, nghĩa của thế gian, xuất thế gian rất là bậc nhất.

Bồ-tát phát tâm do bốn duyên, bốn nhân, bốn lực:

Bốn duyên đầu tiên là:

1- “Người thiện nam hoặc người thiện nữ, nếu thấy chư Phật và các Bồ-tát có oai lực thần biến không suy nghĩ, bàn luận; hoặc từ chỗ đáng tin, nghe việc như thế. Thấy nghe rồi, liền nghĩ rằng: “Vô thượng Bồ-đề của công đức lớn, sao cho người an trụ và người tu hành, thành tựu oai lực công đức thần biến không suy nghĩ, bàn luận như thế. Vì năng lực tăng thượng thấy, nghe này, nên đối với Đại Bồ-đề, sinh tín hiểu sâu. Do đây, phát khởi tâm Đại Bồ-đề, đó gọi là bậc nhất (ở đây, nên vì nói năng tu năng chứng đặc của Phật, Bồ-tát nên bảo phát tâm).

2- Dù không thấy nghe công đức thần thông của Phật và Bồ-tát. Đối với tạng Bồ-tát, nghe xong, cũng tin sâu. Do nghe chánh pháp và sức tin sâu sắc nên đối với công đức thần biến của Như Lai, sinh tín hiểu sâu, vì được trí mầu nhiệm của Như Lai, nên phát tâm Bồ-đề (trước kia y cứ vào tự tánh thấy hoặc nghe Phật khác và công đức thần biến của Bồ-tát. Y cứ vào người khác thấy Phật nói khác. Đây là y cứ theo giáo, nghe xong sinh niềm tin).

3- Hoặc có một loại, dù không thấy, nghe, kể cả nghe nói chánh pháp như trên, mà thấy tất cả pháp tạng Bồ-tát, sắp muốn diệt mất, liền nghĩ rằng: “Bồ-tát Pháp Tạng trụ lâu ở đời, hay cứu vớt nỗi khổ lớn của

vô lượng chúng sinh. Ta nên trụ trì pháp tạng Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, vì diệt vô lượng nỗi khổ lớn của chúng sinh. Vì hộ trì năng lực tăng thượng của Bồ-tát Pháp Tạng, nên đối với trí Như Lai, sinh tín hiểu sâu, vì được diệu trí của Như Lai nên phát tâm Bồ-đề.

4- Hoặc có một loại dù không nhìn thấy chánh pháp sắp diệt, nhưng đối với kiếp cuối, đời cuối, thời đại cuối, nhận thấy thân, tâm của các chúng sinh ác bản, đã bị não loạn bởi mười tùy phiền não, nghĩa là thường ngu si, thường không có sự hổ thẹn, thường có tánh keo kiệt, gan tị, nhiều các khổ lo, nhiều nỗi thô nặng, nhiều các phiền não, nhiều các hành vi ác, nhiều sự buông lung, nhiều tánh lưỡi biếng, nhiều các bất tín; thấy việc này xong, bèn cảm nghĩ rằng: “Đời ác vẫn đục lớn đến nay là lúc chánh khởi các tùy phiền não đã não loạn, mà phát được tâm Bồ-đề Độc giác thấp kém, còn khó có thể được, huống chi là người phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Ta phải phát tâm đại Bồ-đề, khiến cho ở đời ác này vô lượng hữu tình theo học ở ta, sinh nguyện Bồ-đề. Vì nhận thấy ở đời ác, phát tâm khó được năng lực tăng thượng nên sinh tin hiểu sâu sắc đối với Đại Bồ-đề. Nhân tín hiểu này, phát khởi tâm Đại Bồ-đề đây gọi là duyên thứ nhất.

Nhờ dựa vào sự nhiếp thọ của Phật, Bồ-tát và bạn lành, đó gọi là duyên thứ hai.

Đối với các chúng sinh thường khởi tâm bi, đó gọi là duyên thứ ba.

Đối với nỗi khổ lớn sinh tử suốt thời gian rất dài, khó thực hành khổ hạnh, không có khiếp sợ, đây gọi là duyên thứ tư.

Duyên thứ nhất đủ chủng tánh Bồ-tát. Duyên thứ hai đủ bốn thứ tướng, phải biết đầy đủ Bồ-tát, bạn lành nghĩa là được gặp các Bồ-tát, bạn lành, tánh không ngu si đần độn, thông minh, trí tuệ sáng suốt, không rơi vào ác kiến, đây gọi là duyên lành thứ nhất.

Được gặp bạn lành, sau cùng không xúi giục người hành động buông lung, cũng không trao cho họ các công cụ buông lung, đó gọi là đủ bạn lành thứ hai.

Được gặp bạn lành, chung quy không bảo người tạo ra hành vi ác, cũng không trao cho họ dụng cụ làm ác, đó gọi là đầy đủ bạn lành thứ ba.

Được gặp bạn lành, sau cùng không khuyên bỏ niềm tin tăng thượng, muốn thọ học công đức của phương tiện tinh tấn, mà lại khuyên tu các công đức kém tin, dục thấp kém. Nghĩa là không khuyên bỏ Đại thừa, tu theo Nhị thừa; không khuyên bỏ phước, tuệ vượt hơn, tu phước

huệ kém, đó gọi là đầy đủ bạn lành thứ tư.

Do bốn thứ nhân duyên phải biết rằng Bồ-tát đối với các chúng sinh, phần nhiều khởi tâm bi. Nghĩa là các Bồ-tát dù có vô lượng vô biên các thế giới ở mười phương không có khổ, nhưng chúng sinh có khổ trong các thế giới, ở trong đó luôn bị mọi nỗi khổ, hoặc có lúc thấy người khác tùy thuộc gặp phải một nỗi khổ; đôi khi thấy mình đang chạm trán với một nỗi khổ; hoặc thấy mình, người tùy thuộc gặp phải một nỗi khổ xúc chạm ép ngặt; hoặc nhận thấy cả hai thứ đều gặp phải những nỗi khổ lớn bức xúc, mạnh mẽ, nhạy bén không có xen hở. Nhưng Bồ-tát này dựa vào chủng tánh của mình, hiền nhân của mình. Y cứ sở xứ bốn cảnh, dù không phải tập quán, nhưng vẫn có thể phát khởi bi của phẩm hạ, trung, thượng không có xen hở.

Do bốn nhân duyên này đối với các chúng sinh, trước khởi tâm bi, đối với những thứ khổ lớn sinh tử mạnh mẽ, nhạy bén không có xen hở, không có thiếu sót trong suốt thời gian dài, những khổ hạnh khó làm còn không có khiếp sợ, hướng chi là nỗi khổ nhỏ. Nghĩa là tánh của các Bồ-tát tự dũng cảm mạnh mẽ, có sức kham nhẫn là nhân thứ hai.

Có thể đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thành tựu tin hiểu, thanh tịnh phẩm thượng, đó gọi là nhân thứ ba.

Đối với các chúng sinh đã thành tựu tâm xót thương sâu đậm phẩm thượng, đó gọi là nhân thứ tư (như thứ lớp đó giải thích rõ về bốn nhân trên).

Bốn lực: Nghĩa là các Bồ-tát do công sức của mình, có thể sinh tâm yêu thích sâu sắc đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sinh tâm rất yêu thích, đó gọi là lực thứ nhất. Do công lực của người khác, đối với Đại Bồ-đề sinh tâm rất yêu thích, đó gọi là thứ hai. Tập Đại thừa đời trước, tương ứng với pháp lành. Nay, được tạm thời thấy chư Phật, Bồ-tát hoặc tạm thời được nghe khen ngợi, thì có thể nhanh chóng phát tâm Bồ-đề, hướng chi ngắm xem thần lực, nghe chánh pháp của Đức Phật kia, đó gọi là thứ ba, gần gũi bậc Thiện sĩ ở trong hiện pháp, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ kỹ, v.v... tu tập pháp lành trong thời gian dài. Do gia hạnh này phát tâm Bồ-đề, đó gọi là lực thứ tư.

Môn thối tâm Bồ-đề có bốn nhân duyên, khiến cho Bồ-tát lui sụt tâm Bồ-đề:

- 1- Không có chủng tánh.
- 2- Thuộc về bạn ác.
- 3- Tâm bi nhỏ, hẹp đối với các chúng sinh.
- 4- Chịu nỗi khổ lớn sinh tử suốt thời gian dài, khiếp sợ khổ hạnh

khó làm.

Thứ ba, Môn biểu thị rõ sự vượt hơn.

Bồ-tát phát tâm đầu tiên một cách vững chắc. Sơ lược có hai pháp lạ rất ít có của thế gian không chung. Hai pháp đó là:

- 1- Nhiếp thọ các chúng sinh đều làm quyến thuộc.
- 2- Nhiếp thọ lỗi lầm của quyến thuộc, đối tượng không thể nhiệm.

Nhiếp thọ lỗi lầm của quyến thuộc có hai thứ: Nghĩa là đối với quyến thuộc, lợi ích, tổn giảm, ô nhiễm, trái thuận.

Hai việc như thế, Bồ-tát đều không có: “Phát tâm đầu tiên thật vững chắc, Bồ-tát đối với các chúng sinh phát khởi hai thứ ý ưa thích điều lành vượt hơn.

- 1- Ý ưa thích lợi ích.
- 2- Ý ưa thích sự yên vui.

Ý ưa thích lợi ích: Nghĩa là muốn từ các chỗ bất thiện kia, cứu vớt chúng sinh đặt ở chỗ tốt lành.

Ý ưa thích sự yên vui, nghĩa là đối với chỗ các chúng sinh nghèo khổ, thiếu thốn, không nơi nương tựa cậy trông. Là tâm ô nhiễm, muốn cho đầy đủ mọi thứ an vui, lợi ích, phát tâm Bồ-tát vì cầu Bồ-đề, thuộc về pháp lành, so sánh pháp lành thuộc về tất cả pháp khác, có hai thứ vượt hơn.

- 1- Nhân.
- 2- Quả.

Thuộc về pháp lành đều là Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, là nhân năng chứng. Đã chứng Vô thượng là vì quả này, còn trội hơn Nhị thừa, hưởng chi nhân, quả của tất cả thế gian, phát tâm Bồ-tát có hai thứ phát tâm thắng lợi:

1- Phát tâm đầu tiên xong, tức là chúng sinh tôn trọng ruộng phước; tất cả chúng sinh đều nên cúng dường, cũng làm cha mẹ của tất cả chúng sinh.

2- Phát tâm đầu tiên xong thì sẽ nhiếp thọ phước không có sự nào hại. Bồ-tát này đã thành tựu phước không nào hại như thế, được sự che chở gấp bội của Luân vương. Do được chủ thể, đối tượng che chở như thế, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc mê loạn, ngất xỉu, v.v... tất cả yêu quái, nhơn, phi nhơn v.v... không thể quấy nhiễu, hãm hại. Lại, chuyển thọ sinh khác này, do đối tượng thủ hộ, gồm thâu, gìn giữ phước như thế, nên ít bị bệnh, không bị bệnh, không bị bệnh nặng trong thời gian dài,

thường đem lại lợi ích cho chúng sinh, không có nhọc nhằn, không có hao tổn.

Nói rộng sự vượt hơn. Luận Đại Trang Nghiêm quyển 2 chép: “Bồ-tát phát tâm có bốn thứ lớn”.

1- Mạnh mẽ lớn: Nghĩa là thệ nguyện rộng, tinh tấn sâu, rất khó làm, thuận theo trong suốt thời gian dài.

2- Phương tiện vĩ đại: Nghĩa là mặc giáp thệ nguyện rộng lớn, thường dùng phương tiện siêng năng, tinh tấn.

3- Lợi ích lớn: Nghĩa là thực hành việc lợi ích cho mình, và người bất cứ lúc nào.

4- Xuất ly vĩ đại: Nghĩa là Vì cầu Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát phát tâm lấy gì làm gốc? Cho đến bị những khó khăn, chướng nạn rất ráo bình đẳng. Dùng đại bi làm căn bản, dùng lợi ích chúng sinh làm y chỉ; dùng pháp Đại thừa làm đối tượng tín; dùng chủng trí làm đối tượng duyên, vì cầu Đại thừa kia. Dùng dục vượt hơn làm sở thừa, vì mong muốn thừa vô thượng. Dùng che chở lớn làm chỗ an trụ. Vì an trụ giới Bồ-tát; dùng thọ chướng làm nạn, vì khởi tâm thừa khác; dùng việc lành tăng thượng làm công đức; dùng phước, trí làm tự tánh; dùng tu các độ làm ra khỏi; dùng địa mãn làm rất ráo. Do mỗi địa siêng năng, vận dụng phương tiện, tương ứng với địa kia, từ phát tâm thế tục đầu tiên. Nghĩa là từ địa, tâm, nghe, gìn giữ, giác biết, hiểu mà phát tâm, gọi phát tâm thế tục.

Việc phát tâm này do bốn lực:

1- Do sức bạn mà phát tâm: Nghĩa là được thiện tri thức vì thuận theo.

2- Sức nhân. Hoặc ở đời quá khứ đã có phát tâm làm tánh.

3- Sức căn: hoặc đã từng thật hành gốc lành đầy đủ ở quá khứ.

4- Sức nghe. Hoặc ở mỗi chỗ khi nói pháp, vì vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

Luận Hiển Dương quyển 2 chép: “Người phát tâm thế tục nghĩa là như có một hạng người hiểu biết, trước cung kính mà trụ, khởi ý tăng thượng, phát thệ nguyện rằng: “Trưởng lão nhớ nghĩ cho, hoặc nói: “Thánh giả nhớ nghĩ cho!””, hoặc nói: “Ồ-Ba-Đà-Da! Tôi tên là..., từ ngày hôm nay, bắt đầu phát tâm A-Nậu-Bồ-đề, vì muốn lợi ích các hữu tình. Từ nay trở đi, nguyện sái Ba-la-mật mà ta đã tu; tất cả muôn hạnh, đều vì chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Nay, tôi và các Bồ-tát ma-ha-tát hòa hợp xuất gia. Nguyện tôn chứng biết cho tôi là Bồ-tát. Lần thứ hai, thứ ba, cũng nói như thế.”

Nghĩa thứ nhất, phát tâm có ba thứ vượt hơn:

- 1- Giáo thọ vượt hơn. Vì gần gũi chánh biến tri.
- 2- Thuận theo vượt hơn, vì khéo nhóm họp phước trí.
- 3- Đắc quả vượt vượt hơn. Sinh trí vô phân biệt, nuôi lớn phát tâm này, gọi là địa Hoan hỷ.

Sự vượt hơn này lấy gì làm nhân? Có bốn:

- 1- Pháp bình đẳng: Vì thông đạt pháp vô ngã.
- 2- Chúng sinh bình đẳng: Vì đến được mình, người bình đẳng.
- 3- Việc làm bình đẳng: Vì làm cho người hết khổ, như mình hết khổ.
- 4- Thể của Phật bình đẳng: Do pháp giới và ta không khác, quyết định có khả năng thông đạt.

Sự phát tâm của nghĩa thứ nhất này, lại có sáu thứ vượt hơn:

- 1- Vị sinh.
- 2- Vị nguyện.
- 3- Mạnh mẽ.
- 4- Y tịnh.
- 5- Sự khéo léo khác.
- 6- Phát ra khác.

Sự sinh vượt hơn có bốn:

- 1- Hạt giống vượt hơn: Tin pháp Đại thừa làm hạt giống.
- 2- Mẹ sinh vượt hơn: Vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ sinh.
- 3- Tạng thai vượt hơn: Vì dùng thú vui của đại thiên định làm tạng thai.
- 4- Mẹ nuôi vượt hơn: Vì đại bi nuôi lớn là mẹ nuôi.

Nguyện tức mười đại nguyện, nên y cứ Du-già quyển 45, như dưới đây sẽ nói:

- 1- Cúng dường cung kính: tất cả chư Phật.
- 2- Thọ trì tất cả pháp của Phật ba đời.
- 3- Thuận theo chỗ quay bánh xe pháp của các Như Lai, đều đến cúng dường, lắng nghe chánh pháp
- 4- Nói về đối tượng thực hành hạnh vượt hơn.
- 5- Thành thực tất cả hữu tình, như thuyết Bát-nhã nói.
- 6- Biết rõ khí thế giới và giới hữu tình.
- 7- Nghiêm tịnh tất cả cõi nước của chư Phật.
- 8- Không rời tất cả Bồ-tát, chư Phật.
- 9- Đem lại lợi ích cho chúng sinh, cũng như cây thuốc. Ý châu như như, chúng sinh gặp đều có ích.

10- Thuận theo đối tượng lợi sinh, thường không có thôi dứt, chẳng đồng với Nhị thừa, mau chóng nhập Niết-bàn.

Như cúng dường thứ nhất có ba:

1- Tất cả Phật không có thừa.

2- Cúng dường không có ba thừa:

a- Lợi cúng dường: Y phục, v.v...

a- Kính cúng dường: Nghĩa là hương, hoa, v.v...

c- Tu hành cúng dường: Tu tín, giới, v.v...

3- Cung kính không có thừa, có ba:

a- Giúp đỡ, hầu hạ, cung kính.

b- Đón tiếp cung kính.

c- Tu hành cung kính.

Rộng như luận Thập Địa quyển ba chép: Kinh Thập Địa lại dùng mười câu tậ, thành các nguyện lớn, mười nguyện lớn đó là:

1- Giới chúng sinh cùng tậ. Nghĩa là tất cả sinh sinh.

2- Thế giới cùng tậ. Nghĩa là xứ nào ở giới?

3- Hư không giới tậ. Nghĩa là tất cả hư không.

4- Pháp giới tậ. Nghĩa là nói: Pháp nào là pháp giáo hóa?

5- Cõi Niết-bàn tậ: thuận theo đối tượng hóa sinh, đặt ở cõi Niết-bàn nào?.

6- Cõi Phật xuất thế tậ.

7- Giới của trí Như Lai tậ: Dùng phương tiện khéo léo nào? Vì trí Như Lai tậ.

8- Cõi, đối tượng duyên tâm tậ: thuận theo đối tượng duyên, vì tâm duyên cõi tậ.

9- Cảnh giới Phật trí nhập cõi tậ. Lại, thuận theo cảnh giới Phật, ở cõi nào? Trí nhập tậ.

10- Thế gian xoay bánh xe pháp, trí chuyển cõi cùng tậ, có thể thực hành hạnh khó làm, vì không bao giờ lui sụt.

Y tịnh: Nương hai lợi sinh:

1- Biết mình gần Bồ-tát.

2- Biết phương tiện lợi tha, nên dùng phương tiện khéo léo, vượt hơn, vì được tiến tới phương tiện của địa trên.

Xuất ly vượt hơn. Khéo tư duy trụ trong các địa, vì đã kiến lập pháp.

Thứ tư, Môn thí dụ khen ngợi.

Kệ phát tâm dụ rằng:

*Như đất, như vàng sạch
 Như trắng, như thêm lửa
 Như kho tàng, như rương báu
 Như biển, như kim cương
 Như núi, như vua thuốc
 Như bạn, như như ý Như
 mặt trời, đẹp vui Như
 vua, như kho lẫm Như
 đường, như xe cộ Như
 suối, như tiếng vui Như
 dòng chảy như mây Dù
 phát tâm như thế.*

Thí dụ như đất: Phát tâm đầu tiên cũng giống như thế, vì tất cả pháp Phật năng sinh ra, giữ gìn.

Thí như vàng sạch. Nghĩa là dựa vào tương ứng, phát tâm cũng giống như thế, vì lợi ích, yên vui không lui sụt.

Ví như trắng mới, tương ứng với siêng năng, phát tâm như thế, vì tất cả pháp lành tăng thêm dần dần.

Ví như thêm lửa, rất y chỉ tương ứng, phát tâm như thế thêm củi, lửa cháy hừng hực, vì chứa hạnh y chỉ cùng cực.

Ví như kho tàng vĩ đại, tương ứng với đàn Ba-la-mật. Phát tâm cũng giống như thế, dùng của cấp cho khắp, cũng không hết.

Ví như rương báu, tương ứng với thi-la, phát tâm cũng giống như thế, vì công đức pháp bảo từ giới kia sinh.

Ví như biển cả, tương ứng với Nhẫn ba-la-mật. Phát tâm cũng giống như thế, đối với người đến gây trái nghịch, tâm không giao động.

Ví như kim cương, tương ứng với tinh tấn, phát tâm cũng giống như thế, mạnh mẽ bền chắc, vì không thể hủy hoại.

Ví như núi chúa, tương ứng với Thiền-ba-la-mật, phát tâm cũng giống như thế, vật không thể làm nghiêng động, không tán loạn.

Ví như vua thuốc, tương ứng với Bát-nhã, phát tâm cũng giống như thế, hai bệnh hoặc, trí thuốc này có thể phá tan.

Ví như bạn lành, tương ứng với Vô lượng, phát tâm cũng giống như thế, không bỏ chúng sinh bất cứ lúc nào.

Ví như như ý, tương ứng với thần thông. Phát tâm cũng giống như thế, tùy ý muốn, vì hiện có thể thành tựu.

Ví như mặt trời rực rỡ, tương ứng với sự nhiếp thọ. Phát tâm cũng giống như thế, như mặt trời làm lúa chín, thành thực chúng sinh.

Ví như vui đẹp, tương ứng với nhân biệt, phát tâm cũng giống như thế, nói pháp, giáo hóa, nhiếp thọ chúng sinh.

Ví như nhà vua, tương ứng với lượng, phát tâm cũng giống như thế, luôn vì chánh đạo, nhân không hư hoại.

Ví như kho lẫm, tương ứng với nhóm, phát tâm cũng giống như thế, đối tượng nhóm của phát tài, phước, trí.

Ví như đường sá, tương ứng với phần giác, phát tâm cũng giống như thế, đại Thánh đi trước, người khác đi theo sau.

Ví như xe chuyên chở, tương ứng với chỉ quán, phát tâm cũng giống như thế, hai luân đầy đủ, bỏ đi yên vui.

Ví như suốt vọt lên, tương ứng với tổng trì, phát tâm cũng giống như thế, người nghe dù nhiều, nhưng pháp vô tận.

Ví như tiếng mừng, tương ứng với pháp ấn, phát tâm cũng như thế, người cầu giải thoát, rất ưa nghe.

Ví như dòng sông, tương ứng với tự tánh, phát tâm cũng giống như thế, đạo Vô sinh nhẫn, tự nhiên chảy đi, không hề tác ý.

Ví như mây lớn, tương ứng với phương tiện thành tựu thế gian, phát tâm cũng giống như thế, thị hiện tám tướng thành đạo, hóa độ chúng sinh. Như kinh Vô ận Ý có ba mươi hai ví dụ, Bồ Tát có bốn thứ vui.

1- Suy nghĩ lợi ích yên vui, nghĩa là khi suy nghĩ đem lại lợi ích cho người khác.

2- Vui được phương tiện là đến lúc được phương tiện mâu nhiệm.

3- Vui hiểu nghĩa là Khi hiểu rõ ý của Đại thừa.

4- Vui chứng thật là Khi chứng nhập pháp vô ngã. Nếu người nào lìa bỏ chúng sinh, thu hưởng Niết bàn, thì biết người đó không được bốn thứ vui như thế của Bồ-tát (đây là nói lỗi không phát tâm Bồ-tát).

Tiếp theo nói về khen ngợi người phát tâm: Nếu Bồ-tát đầu tiên phát tâm Đại Bồ-đề, thì lúc bấy giờ sẽ nương vào vô biên chúng sinh, liền được che chở tốt đẹp, không tạo ra các việc ác. Vì người bạn lành này là người đã xa lìa nỗi lo sợ lui sụt đường ác. Lại nữa, vì có thêm bạn lành, nên đối lạc, thường vui. Vì có bi tăng thêm, nên đối với nỗi khổ, thường vui mừng, vì sự tăng thêm này nên người này đã xa lìa nỗi sợ lui mất đường lành. Do đây phát tâm được che chở, không tạo tác, nghĩa là hay khéo che chở, không gây ra các điều ác). Kệ tăng:

Yêu người khác hơn yêu mình

Quên mình, làm lợi chúng sinh

Không vì mình, ghét người khác

Đâu có gây nghiệp bất thiện.

Bồ-tát yêu thương người khác hơn yêu thương mình, vì thế, nên quên thân mạng mình, mà đem lại lợi ích cho người, không vì lợi mình mà làm tổn hại người. Do đây, nên có thể đối với các chúng sinh, dứt các nghiệp ác, được không lui sụt. Bồ-tát dùng công đức của mình mà để tự trang nghiêm. Dùng lợi ích cho chúng sinh, tâm vui mừng làm thức ăn cho mình, lấy tác ý chỗ sinh làm đất vườn, dùng thần thông biến hóa làm vui mừng.

Bốn việc như thế chỉ Bồ-tát có; người Nhị thừa không có. Đã có bốn việc như thế, thì làm sao lui sụt? Tiếp theo, ngăn chặn tư duy tâm khổ. Bồ-tát đã dùng đại bi làm thế, cho nên, rất siêng năng lợi tha cho dù phải vào địa ngục A-tỳ, cũng như đến chỗ vui chơi.

Bồ-tát như thế đối với nỗi khổ khác, đâu sinh sợ hãi? Vì sự sợ hãi này mà tâm lui sụt ư?

Các Bồ-tát dùng đại bi xà-lê thường ở trong tâm. Nếu thấy chúng sinh chịu khổ tức tự sinh khổ. Do đạo lý này tự nhiên nên tạo tác, nếu đời bạn lành khuyến phát, thì sẽ cảm thấy vô vùng hổ thẹn”. Kệ rằng:

*Gánh vác gánh nặng chúng sinh
Lười biếng xấu, không phải hơn
Vì muốn cởi ràng buộc cho người
Tinh tấn đáp lại gấp trăm lần.*

Bồ-tát để tâm gánh vác việc nặng của chúng sinh, nếu cách xa, thông thả, thì đây là việc xấu xa, chẳng phải đầu mối thứ nhất, sửa đổi chúng sinh. Bồ-tát nên suy nghĩ, hoặc mình, hoặc người bị các thứ ràng buộc khốn gấp, hoặc nghiệp sinh khởi. Vì cởi mở sự ràng buộc này, nên phải tinh tấn gấp trăm lần, vượt qua Thịnh văn, Độc giác kia, làm những việc nên làm.

Tiếp theo nói thuận theo thực hành hạnh lợi mình, lợi người có sáu đại:

Y chỉ đại: Y chỉ đại Bồ-đề mà phát tâm.

Hạnh đại: Vì lợi mình, lợi người mà phát hạnh.

Quả đại: Nay được vô thượng Đại Bồ-đề.

Nhận lấy đại: Lúc phát tâm đầu tiên vì gồm thân tất cả chúng sinh.

Nhẫn đại: Khi phát hạnh, vì nhẫn chịu tất cả nỗi khổ lớn.

Nghĩa đại: Khi đắc quả, rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh, là nghiệp thành tựu. Lại, có bốn đại:

1- Đại xuất ly vượt hơn: Đối với ba hữu, trong năm cõi mà xuất ly

vượt hơn.

2- Đại tĩnh lặng: Tùy thuận hưởng Niết-bàn Vô trụ xứ.

3- Đại công đức: Vì hai nhóm phước, trí thêm lớn.

4- Đại lợi vật: Thường y chỉ đại bi, không bỏ chúng sinh.

Y cứ vào phát tâm Bồ-đề để biện luận lý ban đầu; khen khuyến phát tâm nói các công đức, đã tu hạnh vượt hơn, có thể có lợi ích đối trị. Khen ngợi Phật, Bồ-tát, và các thứ công đức của Pháp, Tăng, khiến người kia phát tâm rằng: “Chư Phật tử! Nếu đệ tử Phật thọ trì lời Phật nói thì sẽ vì chúng sinh giảng nói pháp, nên trước khen ngợi công Đức Phật, chúng sinh nghe xong sẽ phát tâm, cầu trí tuệ Phật, vì phát tâm nên hạt giống Phật không mất. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, niệm Phật, niệm pháp. Lại niệm Như Lai, khi thực hành đạo Bồ-tát, vì cầu pháp nên chịu sự siêng năng khổ nhọc. Ý này nên nghĩ ơn Phật, siêng năng khổ nhọc, cầu pháp vì chúng ta. Nay, nên như thế, vì trả ơn Phật, tùy thích ứng nói cho người nghe khiến họ phát tâm tu hạnh Bồ-tát, do niệm như thế, vì Bồ-tát nói pháp dù chỉ một bài kệ. Bồ-tát được nghe pháp này thị hiện giáo hóa tâm vui mừng khi đem lại lợi ích cho chúng sinh, sẽ gieo trồng gốc lành, tu tập Phật pháp, được Vô thượng Bồ-đề. Vì dứt được vô lượng các khổ não sinh tử vô thỉ của chúng sinh.

Vì muốn thành tựu vô lượng thân tâm tinh tấn, phát sâu nguyện lớn, thực hành phương tiện lớn, khởi đại từ bi, cầu trí tuệ lớn, cho đến Như Lai Vô Kiến đánh tướng, cầu pháp đại thừa của chư Phật như thế, v.v... phải biết vì vô lượng pháp, nên quả báo phước đức cũng vô lượng.

Thư Năm Môn khuyến phát tâm hơn, kém, nặng, rộng.

Kế là nói phát tâm hơn kém rằng: “Như Lai nói: “Như các Bồ-tát phát tâm đầu tiên, quả báo phước đức của một niệm thấp kém, trăm ngàn muôn kiếp nói không thể hết, hưởng chi là một ngày, một tháng, một năm, cho đến trăm năm, đã tu tập quả báo phước đức của các tâm, đâu thể nói hết. Vì sao? Vì công hạnh của Bồ-tát vô tận muốn cho tất cả chúng sinh đều trụ pháp nhãn Vô sinh, được Vô thượng Bồ-đề.

Kế là nêu dụ nhằm làm sáng tỏ sự vượt hơn rằng: “Các Phật tử! Bồ-tát đầu tiên mới phát tâm Bồ-đề, vì như biển cả lúc đầu tiên nổi sóng dần dần, phải biết đều vì giá trị phẩm hạ, trung, thượng, cho đến không có trị giá viên ngọc báu như ý, tạo ra chỗ cư trú ngọc báu này đều từ biển cả mà sinh. Bồ-tát phát tâm cũng giống như thế, là chỗ sinh ra công đức của tất cả thiên định, trí tuệ của người Ba thừa”.

Lại nữa, như Tam thiên Đại thiên thế giới, lúc đầu tiên khởi dần, phải biết ấy là Hai mươi lăm hữu, trong đó có tất cả chúng sinh, đều gánh vác, làm ra chỗ y chỉ Bồ-tát cũng vậy, lúc đầu tiên khởi dần, khắp vì tất cả vô lượng chúng sinh, cái gọi là sáu đường, bốn sinh, chánh kiến, tà kiến, tu thiện, làm ác, giữ giới, phá giới, tôn trọng kính thờ Tam bảo, chê bai chánh pháp, các ma, ngoại đạo, Sa-môn, Phạm chí, cho đến bốn họ, tất cả gánh vác làm chỗ y chỉ.

Kế là phát tâm tướng Bồ-đề, dùng đại từ bi làm gốc. Nay nói với Bồ-tát tu từ bi, v.v... nói rộng tu ở hành tướng sở duyên của từ bi, hỷ, xả, dùng dụ để nói về cảnh giới. Nêu lên đại địa, vi trần, nước biển cả một Tam thiên cho đến mười phương khó biết giới hạn số lượng v.v...

Đã là cõi do sở duyên sinh xa không thể cùng tận. Bồ-tát phát tâm đều có thể che khắp chúng sinh như thế. Thế nào, các Phật tử, tâm Bồ-đề này há có thể hết ư? Nếu có Bồ-tát nào nghe nói như thế, không sợ hãi, không lui, không mất, thì phải biết rằng, Bồ-tát đó chắc chắn có thể phát tâm Bồ-đề. Dù cho khiến vô lượng chư Phật, Như Lai, trong vô lượng kiếp, khen ngợi công đức phát tâm Bồ-đề của Bồ-tát kia, cũng không thể hết. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề không có giới hạn.

Kế sẽ nói về nhân duyên phát tâm Bồ-đề rằng: “Nếu các Bồ-tát gần gũi thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập gốc lành, chí cầu pháp cao siêu, tâm thường nhu hòa, gặp khổ có thể nhẫn, từ bi, thuận hậu, tâm sâu, bình đẳng, tin ưa Đại thừa, cầu trí tuệ Phật.

Nếu người nào có thể đủ mười pháp như thế thì người đó mới phát được tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Vả lại, gần gũi bạn lành có tám việc, bài kệ thứ chín trong luận Đại Trang Nghiêm chép:

Điều, tĩnh, trừ, đức thêm

Hữu dũng, A-hàm giàu

Chân giác khéo nói pháp

Bi sâu lia lìa bớt.

Bài kệ này nói gần bạn lành nhất, dựa vào sự gần gũi bạn lành, đầy đủ mười thứ công đức, nên có thể gần gũi, mười công đức đó là:

- 1- Điều phục: tương ứng với giới, vì điều phục các căn.
- 2- Vững lặng: tương ứng với định, do nhiếp thọ bên trong.
- 3- Trừ hoặc: Tín, niệm tương ứng với tuệ, vì dứt trừ phiền não.
- 4- Đức tăng. Nghĩa là giới, định, tuệ đầy đủ không thiếu giảm.
- 5- Hữu dũng. Nghĩa là vì khi đem lại lợi ích cho người không mệt mỏi.
- 6- Kinh giàu được học rộng.

7- Chân giác. Nghĩa là hiểu rõ thật nghĩa.

8- Khéo nói. Vì không điên đảo.

9- Bi sâu. Vì dứt hy vọng.

10- Lìa thói lui: trong tất cả thời đều cung kính nói (Đây là tướng bạn lành nên gần gũi).

Hai/ vật gần gũi có ba:

1- Cửa: nghĩa là cung kính cúng dường.

2- Thân: nghĩa là thuận theo, giúp đỡ hầu hạ.

3- Tâm: nghĩa là khi giúp đỡ, hầu hạ, thân, tâm tương ứng.

Ba/ duyên khởi gần gũi bạn lành có ba:

1- Nguyện ưa thích.

2- Biết thời lượng.

3- Dứt trừ ngạo mạn.

Bốn/ Hồi hướng gần gũi, không vì tham lam, vướng mắc lợi dưỡng, chỉ vì thuận theo tu hành.

Năm/ nhân gần gũi, như đối tượng giáo thọ tùy thuận, tu hành là nhân gần gũi. Vì sao? Vì tùy thuận này khiến cho bạn lành kia vì tâm sinh hoan hỷ.

Sáu/ gần gũi người trí: vì khéo hiểu ba thừa, tự thừa, khiến cho thành.

Bảy/ do gần gũi bạn lành. Nghĩa là trang nghiêm Tịnh độ. Sao gọi là ruộng? Dùng pháp mà mình đã nghe đối với chúng sinh, nối nhau mà kiến lập, vì thuận theo ở cõi nước Phật tu nhân thanh tịnh.

Tám y chỉ gần gũi. Chỉ dùng pháp lợi đầy đủ làm y chỉ, cho nên, gần gũi bạn lành không dùng của, lợi đầy đủ làm y chỉ.

Sự khác nhau của gần gũi bạn lành có sáu:

1- Sự khác nhau về nhân quả. Nghĩa là gần gũi quá khứ làm nhân, hiện tại làm quả, hiện tại làm quả, vị lai làm nhân.

2- Sự khác nhau của pháp tùy thuận: nghĩa là pháp môn mà thiện tri thức đã nói, vì thuận theo sự khác nhau của pháp môn đó mà tu hành.

3- Sự khác nhau giữa trong, ngoài. Tự gần gũi là trong, bảo người khác gần gũi là ngoài.

4- Sự khác nhau giữa thô, tế. Tự nghe là thô; tư duy trong tâm là tế.

5- Sự khác nhau giữa vượt hơn, thua kém. Có gần gũi ngạo mạn là thua kém; không gần gũi ngạo mạn là vượt hơn.

6- Sự khác nhau giữa xa, gần. Cõi hiện là gần, gần gũi sinh báo

là xa.

Sinh báo, hậu báo, đời không có cách nhau gần, xa, như thứ lớp.
Sao gọi là gần gũi hơn hết? Có năm:

1- Tín tịnh. Vì ở chỗ gần gũi sinh niềm tin tịnh.

2- Tâm sâu sắc. Trong tâm này có chín:

1- Tâm vị

2- Tâm tùy hỷ

3- Tâm hy vọng

4- Tâm không nhàm chán

5- Tâm rộng lớn

6- Tâm hoan hỷ vượt hơn

7- Tâm thắng lợi

8- Tâm vô nhiễm

9- Tâm thiện tịnh

- Thần thông. Nghĩa là y chỉ các tam-muội như Hư không tạng, v.v... mà gần gũi.

- Phương tiện: Nghĩa là y chỉ thuộc về trí Vô phân biệt.

- Hòa hợp. Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng một quả nhập tất cả quả (mười thứ hạnh kia, mỗi một hạnh nên nói)

Lại có bốn duyên:

1- Tư duy chư Phật, phát tâm Bồ-đề lại có năm thứ:

1. Suy nghĩ chư Phật ba đời mười phương, đầu tiên mới phát tâm, có đủ tánh phiền não cũng như ta nay, cuối cùng thành Chánh giác, là đáng Vô thượng. Vì duyên này nên phát tâm Bồ-đề.

2. Suy nghĩ chư Phật ba đời phát tâm mạnh mẽ rộng lớn đều được Vô thượng Bồ-đề. Nếu Bồ-đề này mà được pháp, thì lẽ ra ta cũng được, vì duyên này nên phát tâm Bồ-đề.

3. Tư duy chư Phật ba đời phát tuệ sáng lớn, ở trong vỏ trứng vô minh, kiến lập tâm vượt hơn, chứa nhóm khổ hạnh, đều có thể tự cứu mình vượt ra khỏi ba cõi, ta cũng như thế sẽ tự cứu giúp vì duyên sự này.

4. Suy nghĩ chư Phật ba đời là người hùng trong loài người, đều vượt qua biển cả phiền não sinh tử, ta cũng là trượng phu, cũng sẽ có thể vượt qua, vì việc này nên phát tâm Bồ-đề.

5. Suy nghĩ chư Phật ba đời phát đại tinh tấn, đã bỏ thân mạng, tài sản để cầu trí nhất thiết. Nay ta cũng sẽ thuận theo bắt chước chư Phật, vì duyên sự này nên quán tai hại lỗi lầm của thân, phát tâm Bồ-đề. Lại có năm thứ:

1- Tự quán thân ta: năm ấm, bốn đại đều có thể gây ra vô lượng nghiệp ác, vì muốn lìa bỏ.

2- Tự quán thân ta, chín lỗ thường chảy, hôi hám, nhơ nhớp bất tịnh, sinh tâm nhàm chán xa lìa.

3- Tự quán thân ta có tham, giận, si, vô lượng phiền não đốt cháy tâm lành, vì muốn dứt trừ.

4- Tự quán thân ta như chùm bọt nổi trên mặt nước, niệm niệm sinh diệt, là pháp đáng xả bỏ, vì đáng xả bỏ.

5- Tự quán thân ta đã bị vô minh che lấp, thường gây ra nghiệp ác luân hồi năm đường, vì không có lợi ích nên cầu quả vượt hơn, phát tâm Bồ-đề. Lại, có năm việc:

1- Thấy các tướng tốt của Như Lai, trang nghiêm sáng chói, nếu ai gặp Như Lai, thì chắc chắn sẽ dứt trừ phiền não, tu tập.

2- Thấy pháp thân của các Đức Như Lai thường trụ, thanh tịnh, không ô nhiễm, tu tập.

3- Thấy các Như Lai có tu pháp của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thanh tịnh.

4- Thấy các Như Lai có mười lực, bốn vô úy, đại bi, ba niệm, tu tập.

5- Thấy các Như Lai có trí Nhất thiết, thương xót chúng sinh; từ bi che khắp, có thể vì tất cả ngu mê chánh đạo, vì tu tập, vì thương xót chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề.

Lại có năm việc:

1- Thấy các chúng sinh bị triền vô minh ràng buộc.

2- Thấy các chúng sinh bị ràng buộc bởi mọi nỗi khổ.

3- Thấy các chúng sinh nhóm họp nghiệp bất thiện.

4- Thấy các chúng sinh tạo tội ác rất nặng.

5- Thấy các chúng sinh không tu chánh pháp, bị vô minh ràng buộc.

Lại có bốn việc:

1- Thấy các chúng sinh vì bị mê hoặc bởi si, ái, nên cảm chịu nỗi khổ dữ dội.

2- Thấy các chúng sinh không tin nhân quả, tạo tác nghiệp ác.

3- Thấy các chúng sinh lìa bỏ chánh pháp, tin nhận pháp tà.

4- Thấy các chúng sinh đang chìm trong sông phiền não.

Bốn dòng chảy bị trôi nổi ràng buộc bởi mọi nỗi khổ.

Lại có bốn việc:

1- Thấy các chúng sinh sợ sinh, già, bệnh, chết, không cầu giải

thoát mà lại tạo nghiệp.

2- Thấy các chúng sinh lo buồn khổ não, không giác ngộ phương tiện, nhiễm ô vương mắc.

3- Thấy các chúng sinh bị khổ ái biệt ly, mà không giác ngộ phương tiện, nhiễm ô vương mắc.

4- Thấy các chúng sinh khổ vì oán ghét gặp nhau, thường khởi ngờ vực ganh tị, lại tạo tác nghiệp ác bất thiện.

Lại có bốn việc:

1- Thấy các chúng sinh vì ái dục, nên gây ra các điều ác.

2- Thấy các chúng sinh biết dục sinh khổ mà không bỏ dục.

3- Thấy các chúng sinh dù muốn cầu thú vui, nhưng không thọ cụ giới.

4- Thấy các chúng sinh dù không ưa khổ, nhưng lại tạo ta nổi khổ, không dứt tạo ác.

Lại có bốn việc:

1- Chúng sinh hủy phạm trọng giới, mặc dù lo sợ, nhưng cũng vẫn buông lung.

2- Thấy các chúng sinh gây tạo tội cực ác, chịu khổ vô gián, hung bạo ngu xuẩn, che giấu không hổ thẹn.

3- Thấy các chúng sinh chê bai hủy báng Đại thừa, chánh pháp Phương đẳng, chỉ theo ngu chấp của mình, nên khởi kiêu hãnh, ngạo mạn.

4- Thấy các chúng sinh dù mang tiếng thông thái, hiền triết mà cắt đứt gốc lành. Trái lại, tự cao, tự đại, không hề hối cải, không tu chánh pháp.

Lại có bốn việc:

1- Thấy các chúng sinh, sinh ở chỗ tám nạn, không nghe chánh pháp, không biết tu điều lành.

2- Thấy các chúng sinh gặp Phật ra đời, nghe nói chánh pháp, không thể vâng giữ.

3- Thấy các chúng sinh tập nhiễm các khổ của ngoại đạo, nghiệp do thân tu, không bao giờ ra khỏi.

4- Thấy các chúng sinh tu được định Phi tưởng phi phi tưởng cho là Niết-bàn. Khi quả báo lành đã hết, sẽ lại rơi vào ba đường.

Bồ-tát nhận thấy các chúng sinh vì vô minh che lấp nên gây tạo nghiệp ác, phải chịu hậu quả khổ đau suốt đêm dài, xa lìa chánh pháp, mê muội lạc đường.

Vì các chúng sinh này, nên Bồ-tát phát đại từ bi, chí cầu Bồ-đề

như chữa lửa cháy đầu. Tất cả chúng sinh bị khổ não, ta sẽ cứu vớt sao cho không còn thừa.

Này các Phật tử! Nay ta lược nói đầu tiên thực hành duyên sự phát tâm Bồ-tát.

Thứ Sáu Môn lập thế phát nguyện.

Về lập thế phát nguyện, Bồ-tát làm sao phát thú Bồ-đề? Phải thực hành nghiệp nào để thành tựu Bồ-đề?

Phát tâm Bồ-tát trụ địa Càn Tuệ, trước phải phát chánh nguyện bền chắc, nhiếp thọ tất cả vô lượng chúng sinh. Ta cầu Vô thượng Bồ-đề, nhằm cứu hộ, độ thoát họ, sao cho không còn thừa, đều khiến cho cuối cùng được Niết-bàn vô dư. Cho nên, lúc bắt đầu phát tâm đại bi là hàng đầu. Vì do tâm bi, nên có thể phát sinh chuyển vận vượt hơn mười chánh nguyện lớn, mười chánh nguyện ấy là:

1- Nguyện đời trước của ta, kể cả thân hiện nay đã gieo trồng gốc lành, bố thí cho tất cả, đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, sao cho nguyện này của ta niêm niêm thêm lớn, đời đời không quên, vì được Đà-la-ni che chở.

2- Nguyện ta Hồi hướng Đại Bồ-đề rồi, nhờ gốc lành này nên ở tất cả chỗ sinh, thường được cúng dường tất cả chư Phật, thường không sinh vào cõi nước không có Phật.

3- Nguyện ta được sinh về cõi nước chư Phật rồi, thường được gần gũi, thuận theo hầu hạ gần bên như bóng theo hình, không có khoảng sát-na nào, xa lìa chư Phật.

4- Nguyện ta được gần Phật rồi, thuận theo đối tượng thích ứng nói pháp cho ta nghe, tức được thành tựu năm thông của Bồ-tát.

5- Nguyện được thần thông rồi, liền đạt thế đế, giả gọi là lưu truyền khắp, hiểu rõ đệ nhất nghĩa, được trí chánh pháp.

6- Nguyện ta được trí chánh pháp rồi, do tâm không nhàm chán, nói pháp cho chúng sinh nghe, thị hiện giáo pháp lợi ích, hoan hỷ, đều khiến khai mở.

7- Nguyện ta khai mở các chúng sinh rồi, nhờ năng lực thần thông của Phật, đến khắp các thế giới ở mười phương không sót, cúng dường chư Phật. Lắng nghe, thọ nhận chánh pháp, nhiếp thọ rộng lớn.

8- Nguyện ở chỗ Phật nghe pháp rồi thì có khả năng xoay bất cứ một bánh xe chánh pháp thanh tịnh nào. Tất cả chúng sinh ở các thế giới trong mười phương, nghe pháp ta, tên ta, liền được lìa bỏ tất cả phiền não, phát tâm Bồ-đề.

9- Nguyên ta có khả năng khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề rồi, thường thuận theo che chở, bỏ việc không lợi ích, cho niềm vui vô lượng, xả thân mạng, của cải, nhiếp thọ chúng sinh, gánh vác chánh pháp.

10- Nguyên ta có thể gánh vác chánh pháp rồi, dù thực hành chánh pháp, nhưng tâm không có thực hành, như các Bồ-tát thực hành chánh pháp mà không có thật hành, cũng không có chẳng thực hành. Vì hóa độ chúng sinh, nên không xả chánh nguyện.

Kế là lập thế quyết định, có năm sự trì:

- 1- Giữ vững được tâm mình.
- 2- Điều phục được phiền não.
- 3- Ngăn chặn được buông lung.
- 4- Phá tan năm cái.
- 5- Siêng năng tu hành sáu Ba-la-mật.

Thế nào là lập thế? Nếu có người đến cầu xin các thứ, lúc ấy ta sẽ tùy thuộc cái ta có mà có thí cho, cho đến không sinh một ý niệm keo kiệt. Nếu sinh tâm ác như trong khoảng thời gian búng ngón tay, do nhân duyên thí cho, cầu báo thanh tịnh, thì tức là ta đã lừa dối vô lượng chư Phật trong các thế giới ở mười phương, ở đời vị lai chắc chắn cũng sẽ không thành Vô thượng Bồ-đề. Nếu ta giữ giới cho đến mất mạng, kiến lập tâm tịnh, thì không có ăn năn. Nếu ta tu nhẫn, vì người khác xâm hại cho đến cắt đứt thân mạng, thường sinh tâm từ, thì không tức giận, gây trở ngại. Nếu tu tinh tấn, gặp rét nóng, vua, giặc, nước, lửa, sư tử, cọp, sói, chỗ không có nước, lúa, chủ yếu, tất nhiên thì bền chắc không lui mất. Nếu tu thiền vì xúc não sự ngoài, không được nhiếp tâm, chủ yếu là cảnh buộc niệm, thì không tạm khởi tưởng rối loạn phi pháp.

Nếu tu trí tuệ thì quán tất cả pháp, thật tánh chân như thuận theo thọ trì, đối với pháp thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết-bàn không khởi hai kiến.

Nếu tâm ta ăn năn, giận dữ, chướng ngại, lui mất, tưởng rối loạn, khởi lên hai kiến, như trong khoảnh khắc búng ngón tay mà dùng giới nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để cầu quả báo thanh tịnh ấy thì tức là ta đã lừa dối vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư Phật hiện tại trong các thế giới ở mười phương, đời vị lai sẽ không chứng Bồ-đề.

Bồ-tát dùng mười nguyện lớn giữ gìn chánh pháp hạnh, dùng sáu lời thề rộng lớn chế phục tâm buông lung, tất nhiên có thể tinh tấn tu tập sáu Ba-la-mật, thành Vô thượng Bồ-đề.

Du-già quyển 45 chép: “Có năm đại nguyện và mười đại nguyện, năm nguyện là:

- 1- Nguyện phát tâm
- 2- Nguyện thọ sinh
- 3- Nguyện đã thực hành
- 4- Chánh nguyện
- 5- Đại nguyện.

Nếu các Bồ-tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, phát tâm đầu tiên, gọi là phát tâm nguyện.

Nếu các Bồ-tát nguyện ở đời đương lai, sẽ vãng sinh thuận theo lợi ích hữu tình. Trong các cõi lành gọi là nguyện thọ sinh.

Nếu các Bồ-tát nguyện có thể không có nguyện của suy nghĩ lựa chọn trái ngược với các pháp, thì tu vô lượng pháp lành cao siêu đối với cảnh giới, gọi là đã thực hành.

Nếu các Bồ-tát nguyện ở đương lai sẽ nhiếp thọ tất cả pháp lành của Bồ-tát, nhiếp thọ tất cả công đức sở hữu gọi là chánh nguyện.

Đại nguyện của Bồ-tát nên biết là xuất phát từ chánh nguyện, mười nguyện lớn là:

Nếu các Bồ-tát nguyện ở đương lai, dùng tất cả các thứ vật cúng thượng diệu để cúng dường vô lượng, vô biên Như Lai, gọi là nguyện thứ nhất.

Nếu các Bồ-tát (Lời nói này truyền đến mười thứ)

Nguyện ở đương lai, sẽ nhiếp thọ giữ gìn chánh pháp của chư Phật, truyền giữ pháp nhãn, không để hư hoại, gọi là nguyện thứ hai.

Nguyện ở đương lai, từ cung trời Đổ-Sử-Đa giáng xuống, như trước đã nói, cho đến nhập Niết-bàn, gọi là nguyện thứ ba.

Nguyện ở đương lai, sẽ thực hành tất cả các thứ chánh hạnh của Bồ-tát gọi là nguyện thứ tư.

Nguyện ở đương lai, sẽ thành thực khắp tất cả hữu tình, gọi là nguyện thứ năm.

Nguyện ở đương lai, tất cả thế giới đều có thể thị hiện, gọi là nguyện thứ sáu.

Nguyện ở đương lai, sẽ tịnh tu khắp tất cả cõi nước Phật, gọi là nguyện thứ bảy.

Nguyện ở đương lai, tất cả Bồ-tát đồng một thứ gia hạnh, ý ưa thích, thu nhập Đại thừa gọi là nguyện thứ tám.

Nguyện ở đương lai, tất cả gia hạnh không có trái ngược, đều không có vô ích, gọi là nguyện thứ chín.

Nguyện ở đương lai, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là nguyện thứ mười.

Du-già quyển 47 chép: “Do được thanh tịnh vì ý ưa thích vượt hơn. Vì muốn cúng dường hơn hết Pháp vương Đại sư ruộng phước chân thật của hữu tình. Cho nên, dẫn phát đại nguyện thứ nhất”.

Vì muốn thọ trì, nên Bồ-tát kia đã giảng nói chánh pháp Vô thượng. Cho nên dẫn phát đại nguyện thứ hai.

Vì muốn thỉnh chuyển bánh xe chánh pháp mầu nhiệm chưa từng có. Cho nên dẫn phát đại nguyện thứ ba.

Vì muốn thuận theo chánh pháp kia, để thực hành công hạnh của Bồ-tát, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ tư.

Vì muốn thành thực hữu tình, khí thế gian kia, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ năm.

Vì muốn cũng sinh về cõi nước chư Phật, tận mắt thấy Như Lai, hầu hạ cúng dường, nghe nhận chánh pháp. Cho nên dẫn phát đại nguyện thứ sáu.

Vì tịnh tu trị cõi nước Phật, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ bảy.

Vì đối với tất cả ở chỗ đã sinh, thường không xa lìa chư Phật, Bồ-tát, với các Bồ-tát, thường đồng một vị gia hạnh ý ưa thích, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ tám.

Thường vì lợi ích tất cả hữu tình, không hề luống qua, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ chín.

Vì chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, làm các Phật sự, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ mười.

Thứ Bảy Môn nói về phát tâm và thương xót: Luận Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-đề Tâm rằng: “Có mười thứ phát:

1- Phát thân: Vì muốn cho thân nghiệp của chúng sinh được thanh tịnh.

2- Phát miệng: Vì muốn cho nghiệp miệng của chúng sinh được thanh tịnh.

3- Phát ý: Vì muốn cho ý nghiệp của chúng sinh được thanh tịnh.

(Luận giải thích: Vì xa lìa tất cả hành vi ác của nghiệp: thân, miệng, ý, nên gọi là phát đại tinh tấn)

4- Phát trong: Vì phân biệt tất cả chúng sinh một cách không luống dối (Luận chép: Vì hóa độ tất cả chúng sinh, khiến học xứ kia phân biệt không giả dối, vì không vướng mắc các pháp).

5- Phát ngoài: Vì thực hành bình đẳng đối với tất cả chúng sinh (Luận chép: Vì xa lìa yêu ghét).

6- Phát trí: Vì đầy đủ trí Phật thanh tịnh (Luận chép: Vì bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sinh).

7- Phát cõi nước thanh tịnh (Vì thị hiện công đức trang nghiêm cõi nước của tất cả chư Phật (Luận chép: Dùng biết tâm như thật, ấy là thuận theo tướng ứng nói pháp).

Mười phát tâm đầy đủ, trí vô vi: Vì không chấp mắc ba cõi (Luận chép: Vì pháp chứng thật không chấp mắc ba cõi, lại vì pháp lìa giả dối).

Luận Du-già quyển 72 chép: “Có mười phát tâm: Nghĩa là phát tâm thọ thế tục; được phát tâm pháp tánh; phát tâm không quyết định; phát tâm quyết định; phát tâm không thanh tịnh; phát tâm thanh tịnh; phát tâm yếu kém; phát tâm mạnh mẽ, phát tâm chưa thành quả; phát tâm đã thành quả, chưa nhập tánh ly sinh gọi là phát thế tục; đã nhập chánh tánh ly sinh, được gọi là phát tâm pháp tánh. Đã xa lìa gần, gọi là phát tâm không quyết định. Trái với tướng này, gọi là phát tâm quyết định. Tùy thuộc người khác chuyển; hoặc bị lấn hiếp, ép ngặt; hoặc sợ; hoặc lừa dối; hoặc vì lợi dưỡng”.

Các lối phát tâm trên đây được gọi là không thanh tịnh, trái với tướng này gọi là thanh tịnh.

Vì bị khuất phục, che lấp bởi triền tham, giận, si, nên đã bỏ chánh pháp ở nơi tà hạnh, gọi là phát tâm yếu kém, trái lại, gọi là phát tâm mạnh mẽ, nghĩa là thắng giải cho đến Thập địa, gọi là quả chưa thành; nghĩa là địa Như Lai gọi là quả đã thành.

Du-già quyển 47 chép: “Bồ-tát có năm chân thật, tướng Bồ-tát. Nếu đã thành tựu thì sẽ nằm trong số Bồ-tát. Năm tướng đó là”:

- 1- Thương xót
- 2- Ái ngữ
- 3- Mạnh mẽ
- 4- Duỗi cánh tay tuệ thí
- 5- Hiểu được nghĩa rất sâu.

Năm tướng này mỗi tướng đều có năm thứ:

- 1- Tự tánh
- 2- Chỗ y chỉ
- 3- Quả lợi ích
- 4- Thứ lớp
- 5- Gồm nhau.

Chỗ y chỉ, thương xót, sơ lược có năm thứ:

- 1- Hữu tình có khổ.
- 2- Hữu tình có hành vi ác.
- 3- Hữu tình buông lung.
- 4- Hữu tình tà hạnh.
- 5- Hữu tình phiền não.

Ba đường, tám nạn là có khổ. Các bất luật nghi là hành vi ác. Ngắm xem, ưa thích tất cả cảnh giới ô nhiễm, vì buông lung. Dựa vào các kiến giả dối, tu hành các thứ khổ hạnh giải thoát. Đối với người ác nói pháp Tỳ-nại-da mà xuất gia gọi là tà hạnh, phiền não có thể biết. Quả lợi: Đối với các hữu tình, đầu tiên phải dứt oán hận, nghi ngờ, giận hờn. Bồ-tát thương xót khắp tất cả, đối với việc lợi ích cho hữu tình, đều có thể tu tạo, tâm không yếu hèn. Đối với gia hạnh này, không hề có nhàm chán, mỗi một, nhiều phần trụ thương xót, có thể gồm thâu không có tội; hiện pháp lạc trụ và lợi ích cho người. Lại như Đức Thế Tôn đã nói: “Do tu từ mà được thắng lợi nghĩa là đối với hiện thân, thuốc độc, dao gậy không hại được, gọi là quả lợi thương xót”.

Bảy thương xót v.v... Nghĩa là các Bồ-tát đối với các hữu tình, tâm sâu sắc phát khởi bảy việc thương xót nhau, vì các Bồ-tát xót thương đủ, gọi là ý ưa thích thiện, bảy tướng ấy là:

- 1- Thương xót vô úy.
- 2- Thương xót đúng lý
- 3- Không có mỗi một
- 4- Không có mong cầu
- 5- Không có ô nhiễm
- 6- Rộng lớn
- 7- Bình đẳng.

Nghĩa là các Bồ-tát ở chỗ hữu tình, vì chẳng phải sợ hãi, nên thương xót, hiện hành thuận theo nghiệp thân, ngữ, ý. Thích đáng với tâm họ, lợi ích, yên vui, gọi là thương xót vô úy.

Đối với các hữu tình, không bao giờ dùng phi pháp, phi luật, pháp chẳng phải Hiền thiện, kể cả phi xử, khuyến khích trao cho hữu tình, gọi là thương xót như lý.

Đối với các hữu tình, thuận theo cơ nghi của chúng phát khởi tất cả sự nghiệp lợi ích, không hề có chán nản, mệt mỏi. Không đợi cầu thỉnh, Bồ-tát tự khởi thương xót; vì tạo ra sự lợi ích, gọi là không có mong cầu.

Tâm không ái nhiễm mà khởi thương xót. Nghĩa là lợi ích cho

người, không mong trả ơn, cũng không mong ở đương lai, các quả ái sẽ dị thực, gọi là không có ô nhiễm, nghĩa là đối với tất cả hữu tình, dù gặp phải tất cả việc không lợi ích mà không xả bỏ, tự thân Bồ-tát đâu có cảm thọ phi ái. Sau cùng không dùng dục ái để thêm cho hữu tình kia, nên gọi là rộng lớn.

Khấp đối với tất cả các loại hữu tình, bình đẳng, bình đẳng đối với cõi hữu tình, không có phân chia giới hạn, đây gọi là thương xót bình đẳng.

Bồ-tát tương ứng với bảy thứ hành tướng thương xót, gọi là ý ưa thích tốt đẹp, ý ưa thích rất tốt đẹp.

Luận Du-già quyển 72 chép: “Lại nữa, nếu trong năm chúng hữu tình, lúc khởi tà hạnh, gọi là không có thương xót, không có thở than”:

- 1- Đối với người cầu xin
- 2- Đối với kẻ đang bị nguy ách
- 3- Đối với người có ơn
- 4- Đối với người ưa vui
- 5- Đối với người ưa pháp.

Cầu xin có năm, bốn việc xin là bốn, năm là cầu cứu hộ nguy ách, cũng có năm:

- 1- Người thiếu thốn, gian nan
- 2- Người trong lúc mê loạn
- 3- Người cầu quy y
- 4- Người ủy thác nhau
- 5- Người đến lễ bái, yết kiến

Người có ơn kia cũng có năm:

- 1- Mẹ
- 2- Cha
- 3- Vợ, con
- 4- Tôi tớ sai bảo
- 5- Bạn bè, anh em

Ưa vui cũng có năm:

- 1- Niềm vui mạnh mẽ của sự nghiệp yên vui
- 2- Không trái với lìa niềm vui
- 3- Niềm vui xa khổ
- 4- Vui cởi mở sự mệt mỏi
- 5- Vui cầu thắng tấn.

Pháp ưa cũng có năm:

- 1- Ưa nói chánh pháp

- 2- Ưu thọ trì đọc tụng
- 3- Ưu biện luận, bàn bạc, quyết trạch
- 4- Ưu truyền bá, răn dạy
- 5- Ưu pháp tùy pháp hạnh.

Tà hạnh trong đây, nghĩa là ở trong đây, hoặc gia hạnh tạo tác; hoặc gia hạnh không tạo tác; hoặc gia hạnh không lợi ích; hoặc là gia hạnh trung dung nên biết tướng ấy.

Thứ Tám Môn nói về tu hành và lui sụt, không lui sụt.

Luận Du-già quyển 46 chép: “Bồ-tát tu Vô thượng Bồ-đề, có năm điều kỳ lạ ít có”:

- 1- Đối với các hữu tình, không có nhân duyên mà sinh thân ái.
 - 2- Chỉ vì lợi ích các hữu tình, nên thường ở trong sinh, tử chịu đựng vô lượng khổ.
 - 3- Đối với hữu tình nhiều phiền não khó chế phục, khéo có thể hiểu rõ phương tiện điều phục.
 - 4- Đối với nghĩa lý chân thật rất khó hiểu, có khả năng thuận theo ngộ nhập.
 - 5- Có năng lực oai thần rộng lớn không thể suy nghĩ, bàn luận.
Do năm thứ tướng khắp các hữu tình với tâm bình đẳng:
 - 1- Lần đầu tiên Bồ-tát phát tâm nguyện Đại Bồ-đề. Như thế, cũng vì đem lại lợi ích cho tất cả hữu tình, mà khởi tâm bình đẳng.
 - 2- Đối với các hữu tình, tâm đều bình đẳng thương xót.
 - 3- Đối với các hữu tình, tâm sâu sắc phát khởi tâm đều có bình đẳng như yêu đứa con một.
 - 4- Biết pháp tánh mà một hữu tình có tức là pháp tánh của tất cả hữu tình, vì tâm đều thực hành pháp tánh bình đẳng, nên các hữu tình trụ tâm bình đẳng.
 - 5- Thực hành công hạnh lợi ích đối với tất cả hữu tình cũng giống như thế.
- Vì tâm lợi ích đều có, nên đối với các hữu tình trụ trong tâm bình đẳng.
Do năm thứ tướng, đối với các hữu tình có ơn, đền đáp hiện tiền:
- 1- Đặt hữu tình vào chỗ yên ổn, bảo phải học đức của chính mình.
 - 2- Ở chỗ phương tiện yên ổn, bảo nên học đức của người.
 - 3- Không có nương tựa, không có nhờ cậy, có khổ, có nghèo, tùy theo khả năng, làm chỗ nương tựa, trông cậy, v.v...

4- Khuyển khích cúng dường chư Phật, Như Lai.

5- Bảo đến chỗ Như Lai nói chánh pháp, thọ trì, đọc, tụng, viết chép, cúng dường.

Bồ-tát đối với năm chỗ, thường phải hân hoan khen ngợi:

1- Gặp Phật ra đời, thường được kính thờ.

2- Ở chỗ chư Phật thường nghe sáu thứ Ba-la-mật-đa, pháp tạng của Bồ-tát.

3- Đối với nhất thiết chúng, thành tựu hữu tình, thường có thể lực.

4- Có thể đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề được chứng đắc mau chóng.

5- Chứng Bồ-đề rồi, các chúng đệ tử thường hòa hợp không có tranh cãi.

Lại, các Bồ-tát thuận theo pháp lui suýt, phải biết có năm:

1- Không kính chánh pháp và sư nói pháp.

2- Buông lung, lưỡi biếng.

3- Đối với các phiền não, gậm gùi, chấp mắc.

4- Đối với các hành vi ác, gậm gùi, chấp mắc.

5- Đối với các Bồ-tát khác, so sánh, suy lường hơn kém, khởi tăng thượng mạn; Trái với tướng trên, gọi là thuận với pháp vượt hơn, phát tâm Bồ-đề. Luận dưới nói: “Bồ-tát tu tập sáu pháp Ba-la-mật, cầu Vô thượng Bồ-đề nên lìa bảy pháp”.

1- Lìa ác tri thức: Ác tri thức: Cái gọi là bảo người lìa bỏ tín, dục, tinh tấn nói trên, họp chúng, thực hành việc lật vật.

2- Lìa nữ sắc, tham đắm dục lạc, tập nhiễm theo người đời, chuyên việc thế tục.

3- Xa lìa ác giác, tự quán hình dung, tham lam ái nặng, đắm nhiễm che chở, cho rằng có thể giữ được lâu.

4- Lìa giận dữ, tự cao, ngạo mạn, ganh tị, nổ ra cuộc tranh cãi, làm rối loạn tâm lành.

5- Lìa buồn lung, kiêu mạn, lưỡi biếng, tự cậy việc lành nhỏ, khinh miệt người.

6- Lìa thư, luận của ngoại đạo và tụng các văn thế gian, văn từ thù dật, chải chuốt, chẳng phải Phật nói, không nên khen, tụng.

7- Không nên gậm gùi tà kiến, ác kiến.

Bảy pháp như thế phải nên xa lìa. Đức Như Lai nói: “Không thấy có pháp nào khác, làm chướng ngại sâu đạo Phật như bảy pháp này. Nếu muốn mau chóng được Vô thượng Bồ-đề, thì phải tu bảy pháp, đại

ý trái với bảy lối tu hành trước”. Văn-thù vấn kinh luận chép: “Có thiện tử tên Nguyệt Tịnh Quang Đức hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi rằng: “Đầu tiên, Bồ-tát vì quán pháp nào, nên thực hành hạnh Bồ-tát? Vì y cứ vào pháp nào để thực hành hạnh Bồ-tát? Văn-thù-sư-lợi đáp:

Này Thiên tử! Công hạnh của các Bồ-tát dùng đại bi làm gốc, vì các chúng sinh”, lại hỏi:

Đại bi lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy tâm ngay thẳng làm gốc! Lại hỏi:

Tâm ngay thẳng lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh làm gốc. Lại hỏi:

Đối với tất cả tâm bình đẳng lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy không có khác, lia hạnh khác làm gốc. Lại hỏi:

Không có khác, lia hạnh khác lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy tâm tịnh sâu làm gốc. Lại hỏi:

Tâm tịnh sâu lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy tâm A-nậu-Bồ-đề làm gốc. Lại hỏi:

Tâm A-nậu-Bồ-đề lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy sáu Ba-la-mật làm gốc. Lại hỏi:

Sáu Ba-la-mật lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy Tuệ phương tiện làm gốc. Lại hỏi:

Tuệ phương tiện lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy không buông lung làm gốc. Lại hỏi:

Tâm không buông lung lấy gì làm gốc? Đáp:

Dùng ba hạnh lành làm gốc. Lại hỏi:

Ba hạnh lành lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy mười nghiệp đạo lành làm gốc. Lại hỏi:

Mười nghiệp đạo lành lấy gì làm gốc? Đáp:

Lấy giữ giới làm gốc. Lại hỏi:

Giữ giới lấy gì làm gốc? Đáp:

Dùng sự nhớ nghĩ thích đáng làm gốc. Lại hỏi:

Sự nhớ nghĩ thích đáng lấy gì làm gốc? Đáp:

Dùng chánh quán làm gốc. Lại hỏi:

Chánh quán lấy gì làm gốc? Đáp:

Dùng niệm vững chắc không quên làm gốc.

Luận Văn-thù Vấn Kinh quyển hạ chép: “Bồ-tát có mười thứ đối trị, tức pháp bị đối trị của mười Ba-la-mật. Đối trị tham lam, keo kiệt, là Bố thí. Đối trị tâm phá giới, là nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh. Trị tâm giận dữ, là tu hành thanh tịnh đại từ bi. Trị tâm lười biếng, là cầu

pháp chư Phật không biết mệt mỏi. Trị giác quan bất thiện, là tâm được thiền định, giải thoát, phấn khởi, tự tại. Trị tâm ngu si, là sinh giúp sức quyết định pháp phương tiện tuệ. Trị tâm phiền não, vì sinh pháp đạo. Đạo trị tâm điên đảo. Pháp trị tâm không tự tại, vì thời, phi thời được tự tại. Trị tướng có ngã vì quán các pháp vô ngã. Như thứ lớp mười độ đối trị có thể biết. Kinh Di-lặc văn chép: “Bồ-tát Ma-ha-tát có tám pháp để thành địa vị không lui sụt, tám pháp đó là:

- 1- Đại bi.
- 2- Tâm an trụ
- 3- Trí tuệ.
- 4- Phương tiện.
- 5- Không buông lung.
- 6- Phát tinh tấn
- 7- Khéo trụ niệm
- 8- Gặp thiện tri thức.

Bồ-tát mới phát tâm phải mau tu hành tám pháp này như cứu lửa cháy đầu, vì thành tựu tám pháp được gọi là nhập số Bồ-tát bất thối bất chuyển. Tám pháp đó là:

- 1- Quán sát lỗi mình, không xét lỗi người.
- 2- Cho đến không vì thân mạng mình nên thí cho người cái ái.
- 3- Nếu được lợi dưỡng, tâm Bồ-tát không tự cao; nếu mất lợi dưỡng, tâm Bồ-tát cũng không thấp.
- 4- Đối với các chúng sinh, nghĩ là ruộng phước, không sinh tâm ác.
- 5- Sở hữu của vật đều chung cho tất cả chúng sinh.
- 6- Đối với các pháp, không muốn một mình mình hiểu; khiến người khác không biết.
- 7- Thấy người khác được vui, thì mình sinh tâm hoan hỷ, không do niềm vui của mình mà sinh tâm hoan hỷ.
- 8- Đối với yêu, không yêu, tâm Bồ-tát thường bình đẳng.

Vì đủ tám pháp này nên Bồ-tát không thối, không chuyển Vô thượng Bồ-đề. Có năm pháp gọi là tướng không thối chuyển đối với Vô thượng Bồ-đề của Bồ-tát. Năm pháp đó là:

- 1- Đối với các chúng sinh khởi tâm bình đẳng.
- 2- Đối với lợi dưỡng của người không sinh tâm ganh ghét.
- 3- Cho đến tự vì thân mạng, không nói các lỗi lầm xấu ác của Pháp sư, Tỳ-kheo.
- 4- Sau cùng không tham đắm những việc cúng dường, cung kính,

khen ngợi, v.v...

5- Cuối cùng được trí tuệ rất sâu xa.

Lại có năm pháp:

1- Không thấy thân mình.

2- Không thấy thân người.

3- Tâm không phân biệt, nói đối pháp giới

4- Không thấy Bồ-đề.

5- Không dùng tướng để thấy Như Lai.

Có ba mươi hai pháp mâu thuẫn: đường sá, hầm hố trở ngại cho việc phát tâm Bồ-đề:

1- Cầu thừa Thanh văn

2- Cầu thừa Bích-chi-phật

3- Cầu sinh chỗ Thích, Phạm

4- Dựa vào vương mắc, sinh ra tịnh tu phạm hạnh

5- Chuyên một gốc đức nói là ngã sở (cái ta có)

6- Nếu được cửa báu, keo kiệt tham ái

7- Dùng tâm nghiêng lệch, bề đảng mà bố thí chúng sinh

8- Khinh dễ răn cấm

9- Không nghĩ đến tâm đạo hạnh chuyên tinh

10- Dùng việc giận dữ làm tiếng đồn

11- Tâm buông lung

12- Rong ruổi

13- Không cầu học rộng

14- Không xem xét điều mình đã gây

15- Cống cao, tự đại

16- Không thể thanh tịnh hành vi của thân, miệng, tâm

17- Không ủng hộ chánh pháp

18- Trái bỏ ơn

19- Phủ nhận ơn

20- Lìa pháp yếu vững chắc

21- Học đòi các bạn ác

22- Theo các giống âm

23- Không siêng giúp đạo

24- Nghĩ đến gốc bất thiện

25- Ý đạo đã phát, không có quyền phương tiện

26- Không hết lòng hỏi han Tam bảo

27- Ghét các Bồ-tát

28- Bài báng pháp chưa nghe

- 29- Không giác biết sự
- 30- Tập học, giữ gìn sách tục
- 31- Không chịu khuyến hóa các loài chúng sinh
- 32- Nhàm chán sinh tử.

Luận Phát Bồ-đề tâm quyển hạ có mười pháp, hay khiến không thối Bồ-đề.

Thư Chín Y cứ môn quán sám hối, thọ giới của kinh Phổ Hiền Bồ-tát:

Văn sám hối sáu căn, y cứ quán sám hối sáu căn của kinh Phổ Hiền Bồ-tát và pháp tự thọ giới. Trong vô lượng đời, nhân duyên nhân căn tham đắm sắc. Vì tham đắm sắc, nên tham ái các trần. Vì ái trần nên cảm thọ thân nữ. Ở chỗ sinh đời đời, nên mê hoặc vướng mắc các sắc. Sắc làm hư hoại mắt ông, vì làm nô lệ cho ân ái, thế nên khiến ông đi qua ba cõi, có được thấy xác thật như vậy hay không? Nhân căn bất thiện đã gây tổn hại cho ông nhiều. Hãy thuận theo lời ta nói quy hướng chư Phật Thích-ca Mâu-ni đã nói: “Nhân căn của ông đã có tội lỗi, nước pháp tuệ minh của chư Phật, Bồ-tát, nguyện dùng rửa sạch sao cho được thanh tịnh”.

Nói lời này xong, lễ khắp Phật mười phương, hướng về đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Kinh điển Đại thừa. Lại nói như vậy: “Nay con sám hối tội nặng, chướng che lấp sự nhớ bản, mắt con mù không thể thấy được, mong Phật đại từ xót thương che chở cho”.

Bồ-tát Phổ Hiền cười thuyên đại pháp, cứu độ khắp tất cả Vô lượng các Bồ-tát ở mười phương, cúi mong thương xót cho con sám hối lỗi, nghiệp ác bất thiện của nhân căn làm chướng ngại pháp.

Nói ba lần như thế, nắm vốc gieo sát đất.

Kế là sám hối nhĩ căn, y cứ kinh có trước là văn khuyển, tiếp theo là nói: “Bấy giờ, hành giả nghe lời này xong. Lại, chấp tay đập đầu sát đất mà nói rằng: “Thế Tôn chánh biến tri, hiện vì con chứng minh kinh điển Phương Đẳng, là chủ từ bi, cúi mong xét cho con, nghe con nói: “Con đã từ nhiều kiếp, cho đến thân hiện nay, nhân duyên nhĩ căn nghe tiếng, mê hoặc chấp mắc, như keo dính cỏ. Mỗi khi nghe các tiếng xấu ác, khởi độc phiền não, chỗ nào cũng mê hoặc chấp mắc, không có lúc nào tạm dừng, phát ra tiếng xấu tệ này làm nhọc thần thức của con, đọa lạc ba đường”.

Nay, mới giác biết hướng về các Đức Thế Tôn, phát lồ sám hối.

Tiếp theo, sám hối tội của Tỷ căn.

Văn kinh, trước nói lỗi lầm, tiếp theo lễ Thích-ca, Đa Bảo, phân thân Thích-ca. Tiếp theo lễ Phật Thiện Đức ở phương Đông và thân phần chư Phật, như đối tượng mắt thấy, mỗi mỗi tâm lễ, hương hoa cúng dường. Tiếp theo cúng dường xong, quỳ xuống, chấp tay, dùng các bài kệ khen ngợi chư Phật. Đã khen ngợi Phật xong. Tiếp theo sám hối mười nghiệp ác. Tiếp theo nói rằng: “Đã sám hối xong bèn nói như vậy: “Con ở đời trước, trong vô lượng thời gian số kiếp, đã tham hương, vị, xúc, tạo ra mọi việc ác. Do nhân duyên này, nên từ vô lượng đời đến nay luôn cảm thọ các thân bất thiện ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, biên địa, tà kiến”.

Các Nghiệp ác như thế, nay con đều phát lộ, quy hướng chư Phật, vua của Chánh pháp nói tội sám hối.

Tiếp theo, sám hối ngũ có bốn, tức tội của Thiệt căn. Trước, tưởng ở trước chư Phật tự nói lỗi mình. Chư Phật, Như Lai là cha lành của ông. Ông sẽ tự nói: “Đối tượng tạo tác của thiệt căn, tức nói bốn nghiệp đã có tai hại lỗi lầm. Năm thể gieo sát đất, lễ Phật mười phương, chấp tay, quỳ thẳng, nên nói như vậy: “Lỗi lầm của lưỡi này vô lượng, vô biên các nghiệp ác đâm thọc, xuất phát từ thiệt căn này, làm gãy bánh xe chánh pháp từ lưỡi này mà khởi. Lưỡi ác như thế làm hư hạt giống công đức. Ở trong phi nghĩa nhiều đầu mối nói găng gượng, khen ngợi tà kiến, như lửa thêm củi, cũng như lửa dữ; tổn hại chúng sinh, như người uống thuốc độc, không có nhọt, bấu mà chết. Bất thiện tà ác, tội báo như thế, sẽ phải đọa đường ác, trăm kiếp, ngàn kiếp vì lời nói giả dối, nên đọa đại địa ngục. Nay con quy hướng chư Phật mười phương, đại bi Thế Tôn phát lộ tội ác, thành tâm sám hối”.

Nói lời này xong, năm thể gieo sát đất. Lại lễ chư Phật, tiếp theo nói đại bi của chư Phật, nói bốn Vô lượng và sáu hòa kính, khiến hành giả tu.

Tiếp theo, sám hối thân, tâm rằng: “Thân: Sát, trộm, dâm. Tâm: Nghi đến các bất thiện, tạo ra mười nghiệp ác và năm vô gián, cũng như khi, vượn, cũng như ly, giao, chỗ nào cũng tham đắm; khắp đến tất cả sáu căn; nhánh nhóc hoa lá, nghiệp của sáu căn này đều đầy đủ tất cả xứ sinh của hai mươi lăm hữu trong ba cõi, cũng có thể tăng thượng mười hai sự khổ vô minh, già chết, tám tà, tám nạn, đều dứt trong đó. Nay, ông phải sám hối nghiệp ác bất thiện như thế”.

Tiếp theo, nói rằng: “Lúc bấy giờ, hanh giả nghe lời này xong, nghe có tiến nói giữa hư không: “Nay, con ở chỗ nào thực hành pháp sám hối?” Tức thì, tiếng nói trong hư không liền bảo rằng: “Thích-ca

Mâu-ni gọi là Tỳ-lô-giá-na khắp tất cả chỗ, chỗ ở của Đức Phật kia, thường vắng lặng, sáng suốt, thường là chỗ do Ba-la-mật hình thành; chỗ an trú Ba-la-mật của ta, xứ có tướng của tịnh Ba-la-mật diệt, ưa Ba-la-mật không ở chỗ tướng của thân, tâm, không thấy có, không có chỗ tướng của các pháp, như giải thoát vắng lặng, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, vì là pháp thường trụ của sắc”.

Như thế, phải quán Phật mười phương. Bấy giờ, các Phật ở mười phương đều duỗi tay phải xoa đầu hành giả, vừa nói như vậy: “Lành thay! Lành thay! Này người Thiện nam! Vì ông đọc tụng Đại thừa, nên chư Phật mười phương nói pháp sám hối. Bồ-tát đã tu hành, không dứt kiết sử, không ở biển sử, quán tâm, không có tâm đều từ tướng điên đảo khởi. Tướng như thế, tâm từ vọng tướng khởi. Như gió trong hư không không có chỗ nương tựa”.

Pháp tướng như thế không sinh, không mất. Sao là tội? Sao là phước? Tâm ta tự không, tội, phước không có chủ. Tất cả pháp không có trụ, không có hoại như thế.

Sám hối như thế, quán thân không có pháp, không trụ trong pháp. Các pháp giải thoát, Diệt đế, vắng lặng.

Tướng như thế, gọi là Đại sám hối, gọi là Đại Trang Nghiêm sám hối, gọi vô tội tướng sám hối; gọi phá hoại tâm thức. Người thực hành pháp sám hối này, thân tâm thanh tịnh, không trụ trong pháp, cũng như dòng nước chảy, trong mỗi niệm được thấy Bồ-tát Phổ Hiền và các Phật mười phương. Tiếp theo, nói rằng: “Người thực hành sám hối này, sẽ được diệt trăm muôn ức kiếp A-tăng-kỳ tội nặng sinh tử! Lúc bấy giờ, nếu hành giả muốn đầy đủ giới Bồ-tát, thì phải chấp tay, ở chỗ trống trải nhàn nhã, lễ khắp mười phương, sám hối các tội, tự nói lỗi của mình, sau đó ở chốn vắng lặng hướng về Phật mười phương mà nói như vậy: “Chư Phật, Thế Tôn thường trụ ở đời, vì nghiệp chướng của con, dù tin Phương Đẳng, nhưng vẫn thấy Phật không rõ ràng. Nay quy y Phật con chỉ mong sao Đức Thích-ca Mâu-ni, Chánh biến tri. Thế Tôn vì con, Hòa-thượng Văn-thù-sư-lợi, người có tâm đại bi, nguyện dùng trí tuệ trao cho con pháp các Bồ-tát thanh tịnh. Bồ-tát Di-lặc đáng đại từ vượt hơn, vì xót thương con, cũng nên cho con thọ pháp Bồ-tát; chư Phật mười phương hiện đang vì con chứng biết. Các đại Bồ-tát đều tôn xưng danh hiệu Phật Thích-ca là Đại sĩ cao quý, che chở chúng sinh, giúp đỡ chúng con. Nay, con thọ trì kinh điển Phương đẳng, cho đến khi xả mạng, nếu đọa địa ngục, chịu vô lượng đau khổ, không bao giờ hủy báng chánh pháp chư Phật.

Do năng lực công đức nhân duyên này, nay Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là Hòa-thượng của con, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là A-xà-lê của con, Phật Di-lặc đương lai nguyện truyền trao pháp cho con; chư Phật mười phương nguyện chứng biết cho con; đại đức Chư Bồ-tát nguyện làm bạn với con. Nay, con y chỉ nghĩa rất mầu nhiệm, sâu mầu của kinh điển Đại thừa, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nói ba lần như thế, quy y Tam bảo xong, tiếp theo phải siêng năng tu phạm hạnh vô ngại, phát tâm cứu giúp rộng rãi; thọ tám trọng pháp.

Lập lời thệ này xong, ở chốn trống trải nhàn nhã, đốt các thứ danh hương, rải hoa cúng dường tất cả chư Phật và Đại thừa Phương đẳng của chư Bồ-tát mà nói như vậy: “Hôm nay con phát tâm Bồ-đề, nguyện đem công đức này cứu độ khắp tất cả”.

Nói lời thệ này xong, lại đánh lễ tất cả chư Phật và chư Bồ-tát, suy nghĩ nghĩa Phương đẳng.

Lại nữa, Sát lợi, cư sĩ có năm pháp sám hối như số sao trước đã nói.

KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)